

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025
và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII

Thực hiện chương trình, nội dung, kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh về tổ chức kỳ họp thường lệ giữa năm (kỳ họp thứ 2), HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2025, UBND tỉnh đã dự thảo Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp.

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết nói trên và giải trình một số vấn đề liên quan như sau:

A. HỢP NHẤT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VÀ HÀNG NĂM CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ SAU SẮP XẾP

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
- Căn cứ Thông báo số-TB/TU ngày ... tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thông kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp.

II. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ điểm a, Khoản 4, Điều 7 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo

mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định:

“4. Thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

a. Đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 theo quy định tại khoản 9 Điều 59, khoản 7 Điều 60, khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi sắp xếp tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi sắp xếp.

Trên cơ sở đó, việc ban hành Nghị quyết về việc thông kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp là cần thiết.

III. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp:

Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp được tích hợp nguyên trạng từ kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm của 02 tỉnh Quảng Bình (cũ), Quảng Trị (cũ) và tích hợp kế hoạch đầu tư công nguồn vốn cấp huyện vào cấp tỉnh (sau khi bỏ cấp huyện) đã được Hội đồng nhân dân 02 tỉnh (trước sắp xếp) thông qua.

1. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 42.343,200 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 22.354, 436 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng.

2. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 9.820,103 tỷ đồng:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.772,264 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng

3. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 1.315,016 tỷ đồng bao gồm:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 775,311 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 278, 449 tỷ đồng
- Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191,256 tỷ đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

B. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí:

- Ưu đãi đầu tư: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 10 tỷ đồng và kế hoạch 2025 là 5 tỷ đồng;

- Quyết toán công trình: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 96 tỷ đồng và kế hoạch 2025 là 3 tỷ đồng;

- Chuẩn bị đầu tư: được HĐND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 16,58 tỷ đồng và kế hoạch 2025 là 10 tỷ đồng;

- Dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa: được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 với tổng mức đầu tư 26,8 tỷ đồng, trong đó: ngân sách tỉnh 21,8 tỷ đồng và kinh phí bảo trì đường bộ 5 tỷ đồng. Luỹ kế vốn bố trí cho dự án đến nay là 26,8 tỷ đồng, trong đó kế hoạch 2025 từ nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng là 11,194 tỷ đồng chưa có nguồn để nhập Tabmis.

Do đó, kính đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 của 03 nhiệm vụ trên là 11,194 tỷ đồng bổ sung cho các dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành.

II. Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng:

Kế hoạch đầu tư công nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng được HĐND tỉnh điều chỉnh tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 812,936 tỷ đồng và kế hoạch 2025 là 193,819 tỷ đồng;

Kính đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 là 13,169 tỷ đồng để có cơ sở bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí cho dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa. Tỷ lệ giảm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; cụ thể:

- Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 8,326 tỷ đồng và kế hoạch 2025 là 1,975 tỷ đồng, (tương ứng 15% trong tổng số vốn giảm).

- Các công trình phát triển quỹ đất và KTXH khác: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 là 11,194 tỷ đồng của dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa, (tương ứng 85% trong tổng số vốn giảm).

(Chi tiết tại phụ lục 02, 03, 04, 05 kèm theo)

C. Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau điều chỉnh giảm 13,169 tỷ đồng, cụ thể:

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp,

với số tiền: 42.330,031 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 22.341, 267 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 9.806,934 tỷ đồng:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.759,095 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng

3. Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 1.315,016 tỷ đồng bao gồm:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 775,311 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 278, 449 tỷ đồng
- Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191,256 tỷ đồng

(Chi tiết tại phụ lục 6 kèm theo)

D. Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan.

Nội dung của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều, trong đó:

Điều 1. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị và kế hoạch năm 2025 tỉnh Quảng Trị.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau điều chỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

D. Kiến nghị

Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh quyết định việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; chủ động xử lý các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

STT	Danh mục	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch 2025			Kế hoạch năm 2024 kéo dài sang 2025			Nghị quyết của HĐND tỉnh/ Quyết định của UBND tỉnh giao kế hoạch	
		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			
			Quảng Trị	Quảng		Quảng Trị	Quảng		Quảng Trị	Quảng Bình		
	TỔNG CỘNG	42.343.200	19.645.036	22.698.164	9.820.103	5.687.560	4.132.543	1.315.016,709	418.619,216	896.397,493		
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI	22.354.436	9.282.101	13.072.335	4.772.264	2.334.780	2.437.484	775.311,138	114.371,432	660.939,706	Quảng Trị	Quảng Bình
1	Cân đối theo tiêu chí	4.683.431	2.232.900	2.450.531	882.800	439.570	443.230	103.417,524	38.496,868	64.920,656		
-	Tính phân bổ	3.380.368	1.840.108	1.540.260	628.258	362.258	266.000	93.233,238	38.496,868	54.736,370	- Trung hạn: 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021; 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022; 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 111/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 111/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kéo dài: 681/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	1.303.063	392.792	910.271	254.542	77.312	177.230	10.184,286		10.184,29	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025
2	Sử dụng đất	15.176.710	6.526.611	8.650.099	3.127.422	1.610.310	1.517.112	636.693,984	60.732,564	575.961,420		
-	Tính phân bổ	7.883.462	2.933.462	4.950.000	1.424.787	717.345	707.442	542.936	20.794,180	522.141,44	- Trung hạn: 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021; 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022; 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 111/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 111/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kéo dài: 681/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	7.293.248	3.593.149	3.700.099	1.702.635	892.965	809.670	93.758,364	39.938,384	53.819,980	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025

-	Tính phân bổ (Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng KCN, KKT; nguồn tăng thu, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và nguồn khác)	1.192.712	280.000	912.712	95.844	70.000	25.844	23.577,75	15.142,0	8.435,75	- Trung hạn: 1704/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 - Kế hoạch 2025: 3278/QĐ-UBND ngày 30/12/2024, 2440/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 - Kéo dài: 2440/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
-	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	813.993		813.993	117.198		117.198	2.000		2.000,00	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình
4	Xổ số kiến thiết	487.590	242.590	245.000	140.000	58.000	82.000	9.621,88		9.621,88	- Trung hạn: 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 12/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
5	Bội chi NSDP				409.000	156.900	252.100				Thủ tướng chính phủ giao hàng năm	Thủ tướng chính phủ giao hàng năm
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	16.403.524	8.467.744	7.935.780	4.251.101	2.973.863	1.277.238	278.448,758	157.573,000	120.875,758		
1	Vốn trong nước (Bao gồm kế hoạch bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022 tỉnh Quảng Trị cũ)	12.420.165	6.338.168	6.081.997	3.356.150	2.305.368	1.050.782	244.842,758	157.573,000	87.269,758	- Trung hạn: 2543/QĐ-UBND ngày 22/9/2024; 183/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; 320/QĐ-UBND ngày 06/2/2024; 1459/QĐ-UBND ngày 20/6/2024; 2273/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 - Kế hoạch 2025: 3118/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2024; 491/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 - Kéo dài: 2386/QĐ-UBND-TH ngày 31/5/2025	Trung hạn: 3069/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; QĐ số 527/QĐ-UBND ngày 25/02/2022; 3452/QĐ-UBND ngày 09/12/2024; Năm 2025: 3717/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Kéo dài: 1773/QĐ-UBND ngày 30/5/2025
2	Vốn nước ngoài	3.983.359	2.129.576	1.853.783	894.951	668.495	226.456	33.606,000		33.606,000	- Trung hạn: 2543/QĐ-UBND ngày 22/9/2021; 2273/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 - Kế hoạch 2025: 3118/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Trung hạn: 3069/QĐ-UBND ngày 24/9/2021. Năm 2025: 3717/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Kéo dài: 1773/QĐ-UBND ngày 30/5/2025
C	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI KINH TẾ XÃ HỘI	514.000	364.000	150.000				70.000	70.000			
1	Lĩnh vực y tế	311.000	161.000	150.000							Trung hạn: 450/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 12/5/2023

2	Lĩnh vực giao thông	203.000	203.000					70.000	70.000		Trung hạn: 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; Kéo dài: Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024
D	CHƯƠNG TRÌNH MTQG	3.071.240	1.531.191	1.540.049	796.738	378.917	417.821	191.256,813	76.674,784	114.582,029	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.591.963	740.078	851.885	466.542	218.206	248.336	163.434,58	58.102,55	105.332,03	- Trung hạn: 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - KH 2025 và kéo dài: 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình, Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình
2	Chương trình Giảm nghèo	431.927	362.173	69.754	81.111	66.741	14.370	13.737,983	13.166,983	571,000	- Trung hạn: 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 1703/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 - KH 2025 và kéo dài: 106/NQ-HĐND ngày 26/12/2024; 41/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Trung hạn: Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, 256/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 17/8/2022, 2521/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình. - KH 2025: Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh, Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh.
3	Chương trình NTM	1.047.350	428.940	618.410	249.085	93.970	155.115	14.084,25	5.405,250	8.679,00	- Trung hạn: 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - KH 2025 và kéo dài: 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 14/NQ-HĐND ngày 14/4/2025; 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Trung hạn: Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; số 110/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 124/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, - KH 2025: số 223/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

(*) Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch 2025 và kế hoạch kéo dài sang năm 2025 được cấp có thẩm quyền quyết định đến ngày 30/6/2025

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ
(Kèm theo Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tăng (+)	Giảm (-)		
			Tổng số	Trong đó: NSDP					
	TỔNG CỘNG				133.186	11.194	11.194	133.186	
*	Dự án giảm vốn								
1	Ưu đãi đầu tư				10.000		5.000	5.000	
2	Quyết toán công trình				96.000		3.000	93.000	
3	Chuẩn bị đầu tư				16.580		3.194	13.386	
*	Dự án tăng vốn								
1	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 968/QĐ-UBND	26.800	21.800	10.606	11.194		21.800	

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ

(Kèm theo Tờ trình số ~~36.3~~ **36.2**./ TTr-UBND ngày ~~04/8~~ **04/8**/ 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2025 đã giao	Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số	Trong đó: NSDP					
	TỔNG CỘNG				28.606	11.194	11.194	28.606	
*	Các dự án giảm vốn								
1	Ưu đãi đầu tư				5.000		5.000	0	
2	Quyết toán công trình				3.000		3.000	0	
3	Chuẩn bị đầu tư				10.000		3.194	6.806	
*	Các dự án tăng vốn								
1	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 968/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	26.800	21.800	10.606	11.194		21.800	

PHỤ LỤC 4: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 đã giao*	Kế hoạch điều chỉnh giảm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: NSDP				
	CẤP TỈNH QUẢN LÝ				2.933.462	13.169	2.920.293	
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở				2.010.526		2.010.526	Không thay đổi
II	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG				812.936	13.169	799.767	
II.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất				121.940	1.975	119.965	
II.2	Bố trí công trình phát triển quỹ đất và KTXH khác				690.996	11.194	679.802	
1	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 968/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	26.800	21.800	11.194	11.194	0	
III	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI KKT TMĐB LAO BẢO				110.000		110.000	Không thay đổi

PHỤ LỤC 5: DANH MỤC ĐIỀU GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 363//TTr-UBND ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2025 đã giao	Kế hoạch điều chỉnh giảm	Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
			Tổng số	Trong đó: NSĐP				
	CẤP TỈNH QUẢN LÝ				717.345	13.169	704.176	
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở				460.526		460.526	Không thay đổi
II	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG				193.819	13.169	180.650	
II.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất				29.073	1.975	27.098	
II.2	Bố trí công trình phát triển quỹ đất và KTXH khác				164.746	11.194	153.552	
5	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	1417/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 968/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	26.800	21.800	11.194	11.194	0	
III	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI KKT TMĐB LAO BẢO				63.000		63.000	Không thay đổi

Danh mục	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch 2025			Kế hoạch năm 2024 kéo dài sang 2025			Nghị quyết của HĐND tỉnh/ Quyết định của UBND tỉnh giao kế hoạch	
	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			
		Quảng Trị	Quảng		Quảng Trị	Quảng		Quảng Trị	Quảng Bình		
TỔNG CỘNG	42.330.031	19.631.867	22.698.164	9.806.934	5.674.391	4.132.543	1.315.016,709	418.619,216	896.397,493		
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI	22.341.267	9.268.932	13.072.335	4.759.095	2.321.611	2.437.484	775.311,138	114.371,432	660.939,706	Quảng Trị	Quảng Bình
Cân đối theo tiêu chí	4.683.431	2.232.900	2.450.531	882.800	439.570	443.230	103.417,524	38.496,868	64.920,656		
Tính phân bổ	3.380.368	1.840.108	1.540.260	628.258	362.258	266.000	93.233,238	38.496,868	54.736,370	- Trung hạn: 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021; 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022; 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 11/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 11/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kéo dài: 681/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	1.303.063	392.792	910.271	254.542	77.312	177.230	10.184,286		10.184,29	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025
Sử dụng đất	15.163.541	6.513.442	8.650.099	3.114.253	1.597.141	1.517.112	636.693,984	60.732,564	575.961,420		
Tính phân bổ	7.870.293	2.920.293	4.950.000	1.411.618	704.176	707.442	542.936	20.794,180	522.141,44	- Trung hạn: 145/NQ-HĐND ngày 15/11/2021; 158/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 62/NQ-HĐND ngày 18/10/2022; 20/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 21/NQ-HĐND ngày 10/5/2024; 51/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; 79/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 99/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 11/NQ-HĐND ngày 4/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 11/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - Kéo dài: 681/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	7.293.248	3.593.149	3.700.099	1.702.635	892.965	809.670	93.758,364	39.938,384	53.819,980	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025
Nguồn khác	2.006.705	280.000	1.726.705	213.042	70.000	143.042	25.577,75	15.142,00	10.435,75		

	Tính phân bổ (Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng KCN, KKT; nguồn tăng thu, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và nguồn khác)	1.192.712	280.000	912.712	95.844	70.000	25.844	23.577,75	15.142,0	8.435,75	- Trung hạn: 1704/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 - Kế hoạch 2025: 3278/QĐ-UBND ngày 30/12/2024, 2440/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 - Kéo dài: 2440/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 59/NQ-HĐND ngày 27/5/2022; 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023 2/10/2023 151/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
	Huyện phân bổ đưa vào kế hoạch ĐTC của tỉnh sau sắp xếp bộ máy	813.993		813.993	117.198		117.198	2.000		2.000,00	Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	Nghị quyết 255/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình
4	Xổ số kiến thiết	487.590	242.590	245.000	140.000	58.000	82.000	9.621,88		9.621,88	- Trung hạn: 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021; 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 12/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 - Kế hoạch 2025: 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024	- Trung hạn: Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình; - KH năm 2025: Nghị Quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 - Kéo dài: Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 17/3/2025
5	Bội chi NSDP				409.000	156.900	252.100				Thủ tướng chính phủ giao hàng năm	Thủ tướng chính phủ giao hàng năm
3	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	16.403.524	8.467.744	7.935.780	4.251.101	2.973.863	1.277.238	278.448,758	157.573,000	120.875,758		
	Vốn trong nước (Bao gồm kế hoạch bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022 tỉnh Quảng Trị cũ)	12.420.165	6.338.168	6.081.997	3.356.150	2.305.368	1.050.782	244.842,758	157.573,000	87.269,758	- Trung hạn: 2543/QĐ-UBND ngày 22/9/2024; 183/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; 320/QĐ-UBND ngày 06/2/2024; 1459/QĐ-UBND ngày 20/6/2024; 2273/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 - Kế hoạch 2025: 3118/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2024; 491/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 - Kéo dài: 2386/QĐ-UBND-TH ngày 31/5/2025	Trung hạn: 3069/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; QĐ số 527/QĐ-UBND ngày 25/02/2022; 3452/QĐ-UBND ngày 09/12/2024; Năm 2025: 3717/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Kéo dài: 1773/QĐ-UBND ngày 30/5/2025
	Vốn nước ngoài	3.983.359	2.129.576	1.853.783	894.951	668.495	226.456	33.606,000		33.606,000	- Trung hạn: 2543/QĐ-UBND ngày 22/9/2021; 2273/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 - Kế hoạch 2025: 3118/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 3279/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	Trung hạn: 3069/QĐ-UBND ngày 24/9/2021. Năm 2025: 3717/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Kéo dài: 1773/QĐ-UBND ngày 30/5/2025
	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI KINH TẾ XÃ HỘI	514.000	364.000	150.000				70.000	70.000			
	Lĩnh vực y tế	311.000	161.000	150.000							Trung hạn: 450/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 12/5/2023
	Lĩnh vực giao thông	203.000	203.000					70.000	70.000		Trung hạn: 1665/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; Kéo dài: Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG	3.071.240	1.531.191	1.540.049	796.738	378.917	417.821	191.256,813	76.674,784	114.582,029		

1	phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.591.963	740.078	851.885	466.542	218.206	248.336	163.434,58	58.102,55	105.332,03	29/6/2022; 19/NQ-HĐND ngày 28/3/2023; 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - KH 2025 và kéo dài: 105/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025; 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình, Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình
2	Chương trình Giảm nghèo	431.927	362.173	69.754	81.111	66.741	14.370	13.737,983	13.166,983	571,000	- Trung hạn: 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 1703/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 - KH 2025 và kéo dài: 106/NQ-HĐND ngày 26/12/2024; 41/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	- Trung hạn: Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, 256/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 17/8/2022, 2521/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình. - KH 2025: Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh, Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh.
3	Chương trình NTM	1.047.350	428.940	618.410	249.085	93.970	155.115	14.084,25	5.405,250	8.679,00	- Trung hạn: 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023; 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 - KH 2025 và kéo dài: 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024; 14/NQ-HĐND ngày 14/4/2025; 38/NQ-HĐND ngày 26/6/2025	-Trung hạn: Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; số 110/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; số 124/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, -KH 2025: số 223/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch 2025 và kế hoạch kéo dài sang năm 2025 được cấp có thẩm quyền quyết định đến ngày 30/6/2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;
Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;
Xét Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, cụ thể như sau:

1. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp với số tiền: 42.343,200 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 22.354, 436 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng.

2. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 9.820,103 tỷ đồng:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.772,264 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng

3. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 1.315,016 tỷ đồng bao gồm:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 775,311 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 278, 449 tỷ đồng
- Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191,256 tỷ đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục 02, 03, 04, 05 kèm theo)

Điều 3. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau điều chỉnh

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 42.330,031 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 22.341, 267 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 9.806,934 tỷ đồng:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.759,095 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng

3. Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 1.315,016 tỷ đồng bao gồm:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 775,311 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 278, 449 tỷ đồng
- Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191,256 tỷ đồng

(Chi tiết tại phụ lục 6 kèm theo)

Điều 4. Giao UBND tỉnh quyết định việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của pháp luật đầu tư công hiện hành; chủ động xử lý các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất .

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi

nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Đài PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.